

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31/12/2024, về việc
“Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung và nợ chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Hướng
2. Bà Vy Thị Hoàng Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Thế A - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung”, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Mầu Thị Kim L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn LB, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Anh Cao Ngọc A, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn LB, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng csxh

Trụ sở: 169 phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng giao dịch: Số 08 đường HVT, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành H

Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện KS

(Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân csxh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn ngày 29/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Mầu Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011, quyền số 01/2007, ngày 01/03/2011.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Cao Ngọc A thường xuyên rượu chè, say sưa, thường xuyên đánh đập vợ con, hai bên gia đình có hòa giải nhưng anh Cao Ngọc A không hợp tác và không tham gia. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Cao Ngọc A.

Về con chung: Chị L và anh A có 02 con chung là cháu: Mầu Thị Kiều Â, sinh ngày: 15/11/2011 và cháu Mầu Hoàng Anh T, sinh ngày: 14/9/2014. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là các cháu: Mầu Thị Kiều Â và Mầu Hoàng Anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L và anh A có vay Ngân hàng csxh tính đến ngày 31/12/2024 số tiền là 70.265.808 đồng; trong đó: tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi: 265.808 đồng. Khi ly hôn, chị L đồng ý trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng csxh.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Cao Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Ngọc A và chị L tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau đúng như chị L đã trình bày.

Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc từ lúc cưới cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Mầu Thị Kim L thì anh A không đồng ý, anh A cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, vợ chồng có thể hòa giải được, anh A vẫn còn tình cảm với chị L, anh A không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Anh Cao Ngọc A và chị L có 02 con chung là các cháu: Mầu Thị Kiều Â, sinh ngày 15/11/2011 và Mầu Hoàng Anh T, sinh ngày 14/9/2014 đúng như chị L đã trình bày.

Trong trường hợp phải ly hôn thì anh Cao Ngọc A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mầu Thị Kiều Â, sinh ngày: 15/11/2011; Về cấp dưỡng: Anh Cao Ngọc A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi có vay Ngân hàng csxh tính đến ngày số tiền là 70.265.808 đồng; trong đó: tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi: 265.808 đồng. Khi ly hôn, anh A đồng ý để chị L trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng csxh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng csxh có ông Nguyễn Thành H làm đại diện trình bày:*

Ngày 10/7/2022, Ngân hàng csxh có cho chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A vay vốn theo chương trình hộ nghèo số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 8,58%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/7/2027, tính đến ngày 31/12/2024, chị L và anh A còn nợ số tiền 70.265.808 đồng; trong đó: tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi: 265.808 đồng.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu chị Mầu Thị Kim L có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng csxh tính đến ngày 31/12/2024 số tiền: 70.265.808 đồng, trong đó: Tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi: 265.808 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 31/12/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn số 6600000723669133, ngày 10/7/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Tại biên xác minh về tình trạng Hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A ngày 04/11/2024, tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện KS: Chị L và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SB, huyện KS. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A không có trách nhiệm với gia đình và hành hung chị L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa:

Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng csxh: Chị Mầu Thị Kim L có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng csxh.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí về nghĩa vụ trả nợ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

* *Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Mầu Thị Kim L cung cấp:*

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

- Căn cước công dân mang tên Mầu Thị Kim L (Bản photo);
- Căn cước công dân mang tên Cao Ngọc A (Bản photo);
- Giấy khai sinh mang tên Mầu Hoàng Anh T (Bản sao);
- Giấy khai sinh mang tên Mầu Thị Kiều Â (Bản sao);
- Sổ vay vốn, họ và tên người vay: Cao Ngọc A (Bản chính);
- * *Tài liệu chứng cứ do bị đơn Cao Ngọc A cung cấp:*
- Căn cước công dân mang tên Cao Ngọc A (Bản photo).
- * *Tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng csxh cung cấp:*
- Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 25/02/2023 (Bản sao)
- Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ (Bản sao);
- Biên bản thỏa thuận và cam kết của hộ vay với PGD NHCSXH huyện KS ngày 19/9/2024 (Bản chính);
- Công văn số 212/NHCSKS ngày 25/9/2024 về việc ly hôn giữa ông Cao Ngọc A và bà Mầu Thị Kim L (Bản chính);
- Công văn số 239/NHCSKS ngày 15/11/2024 về việc ly hôn giữa ông Cao Ngọc A và bà Mầu Thị Kim L (Bản chính);
- Công văn số 266/NHCSKS ngày 31/12/2024 về việc ly hôn giữa ông Cao Ngọc A và bà Mầu Thị Kim L (Bản chính).
- * *Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập:*
- Biên bản xác minh ngày 04/11/2024 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Mầu Thị Kim L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với anh Cao Ngọc A nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung vụ án:* Chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau năm 2011, được Ủy ban nhân dân xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2011, quyền số 01/2007, ngày 01/03/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Năm 2022 đến nay, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh A thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi mắng vợ con, không chăm lo làm ăn; chị L muốn cùng anh A hoà giải nhưng anh A không hợp tác. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau, cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt hơn. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Cao Ngọc A.

Xét thấy: Anh Cao Ngọc A đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh A là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A có 02 con chung là cháu Mầu Thị Kiều A, sinh ngày 15/11/2011 và Mầu Hoàng Anh T, sinh ngày 14/9/2014.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Mầu Thị Kiều A và cháu Mầu Hoàng Anh T; anh Cao Ngọc A không đồng ý ly hôn, trường hợp vợ chồng ly hôn, anh A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mầu Thị Kiều A.

Xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị L nghề nghiệp làm nông thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng và có nhà ở ổn định, gần nhà bố mẹ đẻ của chị, nên có việc, hay khó khăn gì thì được sự giúp đỡ của bố mẹ chị; còn anh A hiện nay đang đi làm thuê ở ĐL, không ở nhà thường xuyên, hay uống rượu say xỉn; do vậy chị L có thời gian trực tiếp trông nom, chăm sóc các con, anh A do tính chất công việc, không đảm bảo thời gian để chăm sóc các con; hiện nay cháu A và cháu T đang sống ổn định với chị L, các cháu đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ, nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó để đảm bảo cho các cháu được phát triển toàn diện về tâm sinh lý và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên được đầy đủ, nên căn cứ Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mầu Thị Kim L không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của chị L về không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các khoản nợ chung: Ngày 10/7/2022, Ngân hàng csxh có cho chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A vay vốn theo chương trình hộ nghèo số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 8,58%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/7/2027, tính đến ngày 31/12/2024, chị L và anh A còn nợ số tiền 70.265.808 đồng (*Bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn tám trăm linh tám đồng*); trong đó: tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi: 265.808 đồng.

Tại phiên toà: Ngân hàng csxh với chị Mầu Thị Kim L, anh Cao Ngọc A thỏa thuận: Chị Mầu Thị Kim L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng csxh, tính đến ngày 31/12/2024 số tiền nợ là 70.265.808 đồng (*Bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn tám trăm linh tám đồng*), trong đó: Tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 265.808 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 31/12/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 6600000723669133, ngày 10/7/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[3] *Về án phí*: Chị Mầu Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự về nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: $(70.265.808 \text{ đồng} \times 5\%) = 3.513.290 \text{ đồng}$; Tổng cộng: 3.813.290 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mầu Thị Kim L được ly hôn anh Cao Ngọc A.

[2]. *Về con chung*: Chị Mầu Thị Kim L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mầu Thị Kiều Â, sinh ngày 15/11/2011 và cháu Mầu Hoàng Anh T, sinh ngày 14/9/2014.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mầu Thị Kim L về không yêu cầu anh Cao Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung*: Chị Mầu Thị Kim L và anh Cao Ngọc A tự thỏa thuận, không yêu cầu. Tòa án không giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng csxh với chị Mầu Thị Kim L, anh Cao Ngọc A.

Chị Mầu Thị Kim L có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng csxh, tính đến ngày 31/12/2024 số tiền là 70.265.808 đồng (*Bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn tám trăm linh tám đồng*), trong đó: Tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 265.808 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 31/12/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 6600000723669133, ngày 10/7/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[5]. *Về án phí*: Chị Mầu Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật là: 3.813.290 đồng (*Ba triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm chín mươi đồng*).

[6]. *Quy định*: Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7]. *Quyền kháng cáo*: Chị Mâu Thị Kim L, anh Cao Ngọc A và Ngân hàng csxh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- THADS huyện KS;
- UBND xã SB, huyện KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương